

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 03/4/2026.
Về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

Bà Đinh Thị Phương Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Võ Hồng T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **tổ A, ấp K, xã M, tỉnh An Giang** (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Chúc L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **tổ A, ấp K, xã M, tỉnh An Giang** (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Võ Hồng T** trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** sau thời gian tự tìm hiểu, yêu thương thì được gia đình 2 bên tổ chức đám cưới vào năm 2011. Anh chị có đăng ký kết tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Tuy nhiên khoảng 3 năm gần đây giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói

chung và bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn không hòa giải được nên chị **L** bỏ đi, từ đó anh chị cũng sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên anh **Võ Hồng T** yêu cầu được ly hôn với chị **Võ Thị Chúc L**.

- *Về con chung*: Anh **Võ Hồng T** và chị **L** có với nhau hai người con chung tên **Võ Thiên T1**, sinh ngày 19/02/2012 và **Võ Thị Khánh V**, sinh ngày 03/11/2017. Hiện cháu **T1** đang sống cùng chị **L**, còn cháu **V** thì sống cùng anh **T**. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu **V** đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu **T1** cho chị **L** tiếp tục nuôi dưỡng, các bên không cần phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh **Võ Hồng T** xác định anh và chị **L** không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 09/3/2026 bị đơn chị **Võ Thị Chúc L** trình bày*: Chị **Võ Thị Chúc L** và anh **Võ Hồng T** cưới nhau là do tự yêu thương, tìm hiểu và được gia đình 2 bên tổ chức đám cưới vào năm 2011. Sau đó có đăng ký kết tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 07/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Tuy nhiên hơn 3 năm nay giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung và bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn không hòa giải được nên chị **L** mang theo con bỏ đi làm và sống ly thân với anh **T** cho đến nay, nay anh **T** yêu cầu được ly hôn với chị **L** thì chị cũng đồng ý. Chị **L** và anh **T** có hai người con chung tên **Võ Thiên T1**, sinh ngày 19/02/2012 và **Võ Thị Khánh V**, sinh ngày 03/11/2017. Hiện cháu **T1** đang sống cùng chị **L**, còn cháu **V** thì sống cùng anh **T**. Ly hôn chị **L** đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu **T1** và đồng ý giao cháu **V** cho anh **T** nuôi dưỡng để các con ổn định cuộc sống và tâm lý. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra chúng tôi cũng không có tài sản chung hoặc nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện anh **Võ Hồng T** yêu cầu được ly hôn và nuôi con với chị **Võ Thị Chúc L**. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị **Võ Thị Chúc L** có nơi cư trú tại **ấp K, xã M, tỉnh An Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh **Võ Hồng T** và bị đơn chị **Võ Thị Chúc L** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết (HĐXX) định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** kết hôn với nhau là do tự tìm hiểu, yêu thương, anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011. Sau đó anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (nay là **UBND xã M, tỉnh An Giang**) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 186, quyển số 01/2011 ngày 07/11/2011. Như vậy, hôn nhân giữa anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn anh **Võ Hồng T** về việc yêu cầu được ly hôn với chị **Võ Thị Chúc L** thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa anh **T** và chị **L** có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Mâu thuẫn trầm trọng hơn và không hòa giải được nên chị **L** bỏ đi và sống ly thân với anh **T** hơn 3 năm nay. Quá trình làm việc, tại bản tự khai chị **L** trình bày cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh **Võ Hồng T**. Do đó căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L**.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** xác định anh chị có hai người con chung tên **Võ Thiên T1**, sinh ngày 19/02/2012 và **Võ Thị Khánh V**, sinh ngày 03/11/2017. Hiện cháu **T1** đang sống cùng chị **L**, còn cháu **V** thì sống cùng anh **T**. Quá trình giải quyết vụ án, anh **T** đồng ý giao cháu **Võ Thiên T1**, sinh ngày 19/02/2012 cho chị **Võ Thị Chúc L** tiếp tục nuôi dưỡng, chị **L** đồng ý giao cháu **Võ Thị Khánh V**, sinh ngày 03/11/2017 cho anh **Võ Hồng T** tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh **T** và chị **L**.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh **Võ Hồng T** phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

- Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** giao con chung tên **Võ Thiên T1**, sinh ngày 19/02/2012 cho chị **Võ Thị Chúc L** chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung tên **Võ Thị Khánh V**, sinh ngày 03/11/2017 cho anh **Võ Hồng T** chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh **Võ Hồng T** và chị **Võ Thị Chúc L** nuôi con; anh **T** và chị **L** được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh **Võ Hồng T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 301886 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, anh **Võ Hồng T** không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Thuận, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An